TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 08/2018/HNGĐ – ST.
Ngày: 09-3-2018.
V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU- TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Pọm + Ông Lò Văn Quốc.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về : Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị P.

Nơi cư trú: Bản V A, xã M E, huyện T C, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Lường Văn H.

Nơi cư trú: Bản N L, xã T L, huyện T C, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa: Chị P có mặt; anh H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 của nguyên đơn có nội dung:

Giữa chị Lò Thị P và anh Lường Văn H tự nguyện ký kết hôn với nhau từ ngày 06/6/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M E, huyện T C, tỉnh Sơn La. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 03 năm, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai người tính tình không hợp, phía anh H thường uống rượu say dẫn đến cãi vã, anh H có hành vi chửi bới, đánh đập chị P. Do không thể tiếp tục cùng chung sống nên chị P đã phải dời bỏ nhà chồng (*Bản N L – T L – T C*) về sống với bố mẹ đẻ (*Bản V A- M E- T C*) từ ngày 30/5/2015. Chị P xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu trai là: Lường Khải M, sinh ngày: 09/01/2012. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị P đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau:

- Giấy chứng nhận kết hôn (*bản chính*);
- Sổ hộ khẩu 02 bên gia đình chị P, anh H (*bản sao*);
- Giấy khai sinh cháu: Lường Khải M (*bản sao*);
- Giấy CMND của chị P (*bản sao*).

Sau khi thụ lý yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự tới bị đơn là anh H nhiều lần. Tuy nhiên anh H cố tình trốn tránh việc nhận văn bản tố tụng của Tòa án cũng như không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của chị P và không chấp hành sự có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Trong các ngày 01/02/2018 và 21/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, đã tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất và lần thứ hai tại nơi cư trú của anh H, UBND xã T L và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa nguyên đơn – Chị P giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh H; Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; Không yêu cầu anh Hoa cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bị đơn – anh H vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 227 – khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; để xét xử vụ án vắng mặt anh Lường Văn H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Lò Thị P và anh Lường Văn H, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm, thì Thẩm phán được phân công làm chủ Tọa phiên tòa cùng Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự cũng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết sô: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Để xử chị chị P được ly hôn anh H; Giao cháu Lường Khải M cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; Buộc chị P chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết ly hôn là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – Chị Lò Thị P, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Về phía anh H đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhiều

lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 227 – khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; để xét xử vụ án vắng mặt anh Lường Văn H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ giữa chị Lò Thị P và anh Lường Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa mãn điều kiện kết hôn và thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, theo quy định tại các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2000.

[2.2] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị P đối với anh H, Tòa án nhận thấy: Sau một thời gian chung sống cùng nhau (03 năm) thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn là một thực tế khách quan, được chứng minh bởi lời khai của chị P, biên bản xác minh ghi ý kiến của Trưởng bản nơi cư trú của anh H là ông Lò Văn D " *Anh H ghen tuông vợ vô cớ, thường uống rượu say, đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/5/2015 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau; Cháu Lường Khải M hiện đang do chị P nuôi dưỡng* ". Tại phiên tòa chị P giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh H. Hội đồng xét xử xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị P là có cơ sở căn cứ. Do đó cần áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Để xử cho chị P được ly hôn anh H.

[2.3] Về con chung: Có 01cháu là: Lường Khải M, sinh ngày: 09/01/2012. Hiện cháu M đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của chị P là tự nguyện, phù hợp thực tế của người đang trực tiếp chăm sóc con chung, nên cần căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; để giao cháu M cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Do chị P không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Về vay nợ chung: Không có do vậy không đặt ra vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

- Chị P là nguyên đơn do đó phải chịu toàn bộ án phí giải quyết ly hôn là 300.000đ, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên*:**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28 - điểm a khoản 1 Điều 35 - khoản 4 Điều 147 - các Điều 271 và 273 - điểm b khoản 2 Điều 227 – khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết sô: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn anh Lường Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Khải M, sinh ngày: 09/01/2012 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị P không yêu cầu.

- Anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Buộc chị Lò Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do chị P đã nộp, theo biên lai thu số: AA/2013/04870, ngày 16/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La;

4.Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Báo cho chị Lò Thị P biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Báo cho anh Lường Văn H biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã M E;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt